

NGŨ PHÁP TIẾNG ANH LỚP 3 THEO UNIT**UNIT 18: WHAT ARE YOU DOING?****1. Hỏi và đáp ai đó đang làm gì trong tiếng Anh**

Để hỏi ai đó đang làm gì, chúng ta sử dụng cấu trúc sau: Hỏi:

What are you doing?

Bạn đang làm gì?

Đáp:

I'm + V-ing... Tôi đang...

Ex: What are you doing? Bạn đang làm gì?

I'm making a lantern. Tôi đang làm lồng đèn.

What are you doing on Sunday evening?

Bạn sẽ làm gì vào tối Chủ nhật?

I am watching TV. Tôi sẽ xem tivi.

Khi chủ ngữ trong câu ở ngôi thứ 3 số ít là she/ he (cô ấy/ cậu ấy), chúng ta sử dụng cấu trúc sau:

Hỏi:

What + is + he/ she + doing?

Đáp án

He/ She + is + doing ...

Ex: What's he doing? Cậu ấy đang làm gì?

He's making a lantern. Cậu ấy đang làm lồng đèn

2. Thì hiện tại tiếp diễn - The present continuous tense

1) Công thức (Form):

S + am/ is/ are + V-ing

2) Cách thành lập động từ V-ing

* Thông thường chúng ta thêm đuôi -ing sau các động từ (Ex: watch - watching, do - doing,...).

* Các động từ kết thúc bởi đuôi "e", chúng ta bỏ "e" sau đó thêm đuôi "-ing" (Ex: invite → inviting, write → writing)

* Các động từ kết thúc bởi đuôi "ie", chúng ta đổi "ie" thành "y" rồi thêm "-ing" (Ex: lie → lying, die → dying,...)

* Các động từ kết thúc bởi đuôi "ee", chúng ta chỉ cần thêm đuôi "ing" (Ex: see → seeing).

* Các động từ kết thúc bởi một phụ âm mà trước đó là một nguyên âm đơn thì chúng ta nhân đôi phụ âm đó (Ex: begin → beginning; swim → swimming).

3) Cách sử dụng (usage):

a) Diễn tả hành động diễn ra vào thời điểm đang nói:

Ex: She is learning English now.

Bây giờ cô ấy đang học tiếng Anh.

* Với các trạng từ: now, at the moment, at present, today.

b) Một kế hoạch trong tương lai./ Một cuộc hẹn (tomorrow (ngày mai), next week (tuần tới) tonight (tối nay)).

Ex: We are having breakfast at 8 am tomorrow.

Chúng tôi sẽ đang ăn sáng lúc 8 giờ sáng mai.

* Khi trong câu dùng các động từ mang tính chuyển động như: go (đi), come (đến), leave (rời khỏi), arrive (đến nơi), move (di chuyển), have (có)... thì không cần dùng các trạng từ chỉ thời gian. Ex: Don't come early. We are having a nice party.

Đừng đến sớm. Chúng tôi đang có buổi tiệc long trọng.

* Tham khảo thêm Bài tập Unit 18 lớp 3 What are you doing? có đáp án tại:

Bài tập tiếng Anh lớp 3 Unit 18: What are you doing?

Bài tập tiếng Anh 3 Unit 18: What are you doing?

Bài tập Unit 18 lớp 3 nâng cao: What are you doing?

Mời bạn đọc tham khảo thêm nhiều tài liệu ôn tập Tiếng Anh 3 khác như:

Giải bài tập Tiếng Anh lớp 3 cả năm: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-3>

Trắc nghiệm Tiếng Anh lớp 3 online: <https://vndoc.com/test/tieng-anh-lop-3>